

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày 01/6/2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Khải.

Ông Lương Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Huế - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện Biên: Ông Thào A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2- tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:109/2026/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2026 về: ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị Minh T, sinh năm 2005.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Đội 7, bản H, xã T, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Quàng Văn H, sinh năm 2000.

Nơi thường trú: bản N, xã T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2026, biên bản lấy lời khai ngày 22/04/2026; các bản tự khai của nguyên đơn chị Lò Thị Minh T cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên), giấy chứng nhận kết hôn số: 27 ngày 27/9/2023. Hôn nhân tự nguyện, sau một thời gian chung sống thấy anh H chỉ lo cho bản thân, không quan tâm đến vợ con, bỏ mặc vợ con ở nhà đi làm ăn

xa, không gửi tiền về nuôi con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, do đó đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Quảng Văn H.

Về con chung: có một con chung là cháu Quảng Mạnh K, sinh ngày 29/6/2023. Nguyên vọng chị T xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Quảng Văn H từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay không có văn bản trả lời Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình bố đẻ của anh H là ông Quảng Văn X và trưởng bản Lò Văn K cung cấp cho Tòa án các thông tin như sau: Hiện nay anh H đi làm ăn ở Quảng Ninh, địa chỉ cụ thể không thông báo cho bố mẹ và vợ biết. Ông X đã nhận các văn bản giấy tờ của Tòa án gửi về cho anh H và đã thông báo cho anh H biết về yêu cầu khởi kiện của chị T, ông Xuân đồng ý nhận các giấy tờ thông báo của Tòa để chuyển cho anh H. Ông Xuân xác nhận vợ chồng anh H và chị T thỉnh thoảng cãi nhau còn mâu thuẫn như thế nào không rõ. Xác nhận hai vợ chồng có một con chung là cháu Quảng Mạnh Khôi hiện ông bà đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì anh H đi làm ăn xa, chị T sau khi làm đơn xin ly hôn đã chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ ở đội 7, bản Hồng Sặt, xã Thanh An sống. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo hồ sơ thể hiện bố mẹ của anh Quảng Văn H đã nhận được các giấy tờ: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ; thông báo kết quả công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Ông Quảng Văn Xuân bố đẻ của anh Quảng Văn H nhận và cam kết giao, thông báo cho anh Quảng Văn H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Điện Biên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên. Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị TAND Khu vực 2 - Điện Biên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H; Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyên vọng của chị T giao cháu Quảng Mạnh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị Tuyến không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị T khai về tài sản riêng, chung; nợ riêng không có, nên không xem xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thẩm quyền giải quyết vụ án và sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa hôm nay:

Chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn là anh Quảng Văn H trú tại bản N, xã T, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên. Hội đồng xét xử xác định quan hệ giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Lò Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Quảng Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, các văn bản tố tụng đã được giao hợp lệ cho bố đẻ của anh H và cam kết thông báo lại cho anh H theo khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Minh T thấy rằng:

Chị Lò Thị Minh T và anh Quảng Văn H kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên), giấy chứng nhận kết hôn số: 27 ngày 27/9/2023. Tại thời điểm đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện, đủ tuổi kết hôn, UBND xã N (nay là xã T) cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ khẳng định hôn nhân giữa chị Lò Thị Minh T và anh Quảng Văn H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, qua lời khai của chị T phù hợp kết quả xác minh của Tòa án tại gia đình các đương sự và tại địa phương thể hiện: Các đương sự sau đăng ký kết hôn về sống cùng bố mẹ chồng tại bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên) từ năm 2023. Hiện nay cả hai không sống cùng nhau, chị T đã chuyển về sống với bố mẹ đẻ tại bản H, xã T; anh H đi làm ở Quảng Ninh đã được thông báo về việc chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H biết việc chị T xin ly hôn nhưng không có phản hồi mong muốn hàn gắn đều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị Minh T cho được ly hôn với anh Quảng Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là cháu Quảng Mạnh K, sinh ngày 29/6/2023. Hiện nay cháu đang được ông bà Nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng tại bản N, xã T, tỉnh Điện Biên. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh H không có ý kiến gì về vấn đề này.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp

nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Cháu Quảng Mạnh K, sinh ngày 29/6/2026 đến thời điểm xét xử dưới 36 tháng tuổi, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và bản thân chị T cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án thể hiện có thu nhập bình quân từ lương công nhân 10 triệu/ tháng và có điều kiện chăm sóc con.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Quảng Mạnh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị Minh T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung riêng; nợ chung, riêng của các đương sự: nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Tại thời điểm làm đơn xin ly hôn, chị T là người dân tộc thiểu số đang sống ở bản Noong Luống, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí khi yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết chị T đã chuyển về sinh sống tại Đội 7, bản Hồng Sặt, xã Thanh An nên không thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lò Thị Minh T được ly hôn với anh Quảng Văn H.

2. Về con: Giao cháu Quảng Mạnh K, sinh ngày 29/6/2023 cho chị Lò Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về tài sản chung riêng; nợ chung, riêng của các đương sự: nguyên đơn khai không có, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Minh T và anh Quàng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DB;
- UBND xã T, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga

